

Số: /KH-SKHCCN

Hà Tĩnh, ngày tháng 01 năm 2024

KẾ HOẠCH Cải cách hành chính Sở Khoa học và Công nghệ năm 2024

Thực hiện Quyết định số 3433/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính (CCHC) tỉnh Hà Tĩnh năm 2024, để tiếp tục thực hiện tốt công tác CCHC phục vụ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tốt nhất và thi đua lập thành tích chào mừng kỷ niệm 65 năm ngày thành lập ngành KH và CN, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch CCHC năm 2024 với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

1.1. Tiếp tục triển khai toàn diện, đồng bộ, có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030¹ của Chính phủ, của tỉnh²; Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 26/5/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh CCHC, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 (Nghị quyết số 12-NQ/TU). Quyết định số 3433/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch CCHC tỉnh Hà Tĩnh năm 2024; Kế hoạch số 2155/KH-SKHCCN ngày 31/12/2021 của Sở Khoa học và Công nghệ về CCHC ngành Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2021-2030.

1.2. Tiếp tục đẩy mạnh công tác CCHC nhằm xây dựng nền hành chính phục vụ Nhân dân, dân chủ, công khai, minh bạch, chuyên nghiệp, hiện đại; tập trung trọng tâm: Xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số; nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ hành chính công; cải cách thủ tục hành chính (TTHC) đảm bảo giải quyết nhanh chóng, thuận lợi trong giải quyết TTHC của người dân, doanh nghiệp góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

1.3. Tiếp tục duy trì, củng cố thứ hạng về chỉ số CCHC của ngành (nằm trong top 03 của khối sở, ngành) và từng bước nâng cao các chỉ số có liên quan

¹Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030; Chỉ thị 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 3504/QĐ-UBND ngày 22/10/2021 của UBND tỉnh về ban hành Chương trình tổng thể CCHC giai đoạn 2021-2030.

²Quyết định số 3504/QĐ-UBND ngày 22/10/2021 của UBND tỉnh về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2030.

đến công tác CCHC: Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) của tỉnh, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số chuyên đổi số cấp tỉnh (DTI).

2. Yêu cầu

2.1. CCHC phải xuất phát từ lợi ích của người dân, doanh nghiệp; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm và sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan, đơn vị.

2.2. Các nội dung CCHC phải được tiến hành đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tiễn của Ngành và mục tiêu Nghị quyết số 144/NQ-HĐND ngày 08/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024. Trong quá trình triển khai yêu cầu lồng ghép triển khai đồng bộ, thống nhất các mục tiêu, nhiệm vụ theo Chương trình tổng thể CCHC Nhà nước giai đoạn 2021-2030, gắn với Nghị quyết cấp ủy Đảng, chương trình, kế hoạch, Đề án về CCHC.

2.3. Người đứng đầu cơ quan, phòng, đơn vị phải xác định CCHC là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, liên tục; tập trung tham mưu kịp thời, chất lượng các nội dung CCHC của cơ quan, phòng, đơn vị nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước; góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, làm động lực, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong năm 2024.

2.4. Các phòng, đơn vị: Văn phòng Sở, Thanh tra Sở, Thông tin- Thống kê KH, CN và ĐMST, Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng và các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc liên quan theo chức năng, nhiệm vụ chủ động tham mưu, triển khai các nhiệm vụ CCHC kịp thời, có hiệu quả.

II. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Chỉ đạo điều hành CCHC

1.1. Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo điều hành; tăng cường công tác kiểm tra cơ sở; tổ chức thực hiện có hiệu quả, đảm bảo chất lượng các nội dung, nhiệm vụ trong kế hoạch CCHC của tỉnh, của Sở. 100% các cơ quan, đơn vị trực thuộc ban hành và triển khai có hiệu quả Kế hoạch CCHC năm 2024.

1.2. Phân đấu có ít nhất 02 sáng kiến (hoặc giải pháp mới) về CCHC được công nhận và áp dụng tại Sở; có ít nhất 01 sáng kiến liên quan đến CCHC được Hội đồng đánh giá hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh công nhận.

1.3. 100% các phòng, đơn vị trực thuộc được kiểm tra CCHC trong năm 2024. 100% các cơ quan, đơn vị trực thuộc ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch kiểm tra, tự kiểm tra CCHC năm 2024 tại cơ quan, đơn vị mình đảm bảo thực chất, đúng quy định.

2. Cải cách thể chế

2.1. Phần đầu từ 90% trở lên nội dung tại các văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) của Trung ương, HĐND tỉnh và UBND tỉnh giao Sở tham mưu liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của ngành được triển khai, thực hiện kịp thời, chất lượng.

2.2. Phần đầu từ 95% văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh liên quan đến ngành được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế theo kết quả rà soát.

2.3. Phần đầu từ 90% văn bản QPPL trở lên của Trung ương, của tỉnh được tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả.

3. Cải cách thủ tục hành chính

3.1. Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện số hóa kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở, đạt tỷ lệ từ 95% trở lên số hồ sơ tiếp nhận.

3.2. 100% TTHC đủ điều kiện được thực hiện dịch vụ công (DVC) trực tuyến (toàn trình, một phần) và được cập nhật lên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC và công khai trên Cổng DVC quốc gia; tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến đạt 95%; tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt từ 95% trở lên;

3.3. Tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công TTHC trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết TTHC đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.

3.4. 100% quyết định công bố Danh mục và Quy trình nội bộ TTHC được tham mưu xây dựng, công bố, công khai kịp thời theo đúng quy định pháp luật.

3.5. 100% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến. Tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 80% trở lên.

3.6. Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC (đánh giá qua cổng DVC) đạt trên 95%;

3.7. Tham gia đối thoại của Lãnh đạo Sở với người dân, doanh nghiệp theo Kế hoạch của UBND tỉnh và phối hợp với các địa phương, đơn vị thực hiện.

4. Cải cách tổ chức bộ máy

4.1. Hoàn thành việc kiện toàn, sắp xếp đối với 100% đơn vị sự nghiệp công lập có phương án sắp xếp, kiện toàn theo Đề án sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức các đơn vị sự nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4.2. Hoàn thành xây dựng, ban hành đề án vị trí việc làm Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị trực thuộc theo đúng quy định.

5. Cải cách chế độ công vụ

- Phân đầu 50% cán bộ, công chức dưới 40 tuổi (gồm: lãnh đạo, quản lý cấp sở) giao tiếp được với người nước ngoài bằng Tiếng Anh hoặc ngoại ngữ thông dụng khác.

- Thực hiện luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức theo đúng kế hoạch.

6. Cải cách tài chính công

- Thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

- Công khai, minh bạch đầy đủ các thông tin theo quy định tại Quyết định số 739/QĐ-UBND ngày 22/3/2017 của UBND tỉnh ban hành danh mục thông tin công khai minh bạch trên Cổng thông tin điện tử của Sở.

7. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

7.1. Thực hiện việc kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng, hệ thống hội nghị trực tuyến và cơ sở dữ liệu chung theo kế hoạch của UBND tỉnh.

7.2. Tỷ lệ cơ sở dữ liệu của các sở, ngành được kết nối liên thông để phục vụ quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công đạt 70%.

7.3. Từng bước triển khai 30% hoạt động kiểm tra quản lý nhà nước thuộc phạm vi quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý (trừ hoạt động kiểm tra hoặc thông tin tư liệu của hoạt động kiểm tra thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

7.4. 100% hồ sơ công việc được xác lập trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

7.5. Tiếp tục duy trì, cải tiến và áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 và triển khai xây dựng áp dụng công cụ 5S tại cơ quan Văn phòng Sở và các đơn vị trực thuộc đảm bảo thực chất hiệu quả.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC

- Tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành với quyết tâm cao, hành động quyết liệt, hiệu quả; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong CCHC gắn với tăng cường theo dõi, đôn đốc, kiểm tra CCHC. Ban hành văn bản chỉ đạo các phòng, đơn vị trực thuộc khắc phục các tồn tại, hạn chế năm 2023; xây dựng và thực hiện có hiệu quả Kế hoạch CCHC năm 2024.

- Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả, chất lượng các nhiệm vụ CCHC theo lộ trình tại Quyết định số 3504/QĐ-UBND ngày 22/10/2021 của UBND tỉnh về ban hành Chương trình tổng thể CCHC giai đoạn 2021-2030; Nghị quyết số 12-NQ/TU của Tỉnh ủy và Đề án của UBND tỉnh một cách đồng bộ, hiệu quả;

- Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ của được giao về CCHC; thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc ban hành theo Quyết định 1912/QĐ-SKHCHN ngày 19/11/2022 của Sở Khoa học và Công nghệ.

- Chỉ đạo tổ chức tốt công tác kiểm tra định kỳ, đột xuất về công tác CCHC; tăng cường kiểm tra đột xuất việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ tại các phòng, đơn vị trực thuộc Sở.

- Đẩy mạnh, khuyến khích sáng tạo, tìm kiếm sáng kiến (giải pháp mới) về CCHC và áp dụng có hiệu quả trong công tác của các cơ quan, địa phương, đơn vị.

- Tăng cường thông tin, tuyên truyền, quán triệt thực hiện các văn bản của các cấp về CCHC dưới nhiều hình thức, thông qua các cuộc họp giao ban, trên Cổng thông tin điện tử của Sở; qua các hoạt động tập huấn, trao đổi kinh nghiệm về CCHC.

2. Cải cách thể chế

- Căn cứ Kế hoạch, Chương trình xây dựng văn bản QPPL của UBND tỉnh năm 2024 để xây dựng dự thảo và tham mưu UBND tỉnh ban hành kịp thời văn bản QPPL lĩnh vực của ngành đảm bảo quy định.

- Thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật; đảm bảo các văn bản quy phạm pháp luật trước khi trình cấp có thẩm quyền ban hành đều được thẩm định theo đúng trình tự, thủ tục và tiến độ thời gian theo quy định.

- Tổ chức thực hiện việc theo dõi tình hình thi hành văn bản QPPL lĩnh vực khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh, nhằm xem xét, đánh giá thực trạng thi hành pháp luật, kiến nghị các giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

- Kiểm tra, tự kiểm tra việc thực hiện các văn bản QPPL của tỉnh liên quan đến lĩnh vực khoa học công nghệ.

- Tổ chức rà soát, cập nhật, phổ biến giáo dục pháp luật định kỳ theo quy định.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và số hóa để nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

3. Cải cách TTHC

- Tiếp tục triển khai thực hiện các văn bản³ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ liên quan về cải cách TTHC; trọng tâm là Nghị quyết số 131/NQ-CP

³ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử; Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng; Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống

ngày 06/10/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách TTHC và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp; Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, DVC theo thời gian thực trên môi trường điện tử.

- Thường xuyên rà soát, đơn giản tối đa các TTHC, đặc biệt là các TTHC liên quan đến người dân, doanh nghiệp; tăng cường trách nhiệm trong giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân, nâng cao tỷ lệ hài lòng của người dân, doanh nghiệp. Đảm bảo 100% TTHC thuộc thẩm quyền được giải quyết đúng và trước hạn theo quy định theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và được kiểm soát chặt chẽ qua Cổng thông tin DVC trực tuyến của Quốc gia, của tỉnh.

- Thường xuyên cập nhật các TTHC do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố (nếu có) để tham mưu UBND tỉnh ban hành kịp thời theo quy định; nghiêm ýt, công khai minh bạch các TTHC và cập nhật kịp thời trên cơ sở dữ liệu quốc gia và của tỉnh. Tiếp nhận, phản ánh kiến nghị của tổ chức cá nhân kịp thời, đúng quy định.

- Phối hợp với Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh tổ chức thực hiện có hiệu quả việc giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân khi đến giao dịch; thực hiện nghiêm về quy định xin lỗi trong quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC đối với tổ chức, cá nhân (nếu có).

- Thực hiện nghiêm túc việc thanh toán trực tuyến phí, lệ phí giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức trên Cổng DVC Quốc gia và Cổng DVC của tỉnh.

4. Cải cách tổ chức bộ máy

- Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; Công điện số 209/CĐ-TTg ngày 28/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các văn bản của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện rà soát, điều chỉnh Đề án vị trí việc làm của Sở phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn quản lý, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của đơn vị. Xây dựng phương án sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy đơn vị sự nghiệp trực thuộc đảm bảo tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động.

- Tiếp tục đề xuất, phối hợp để tiếp nhận, tuyển dụng đủ số công chức, còn thiếu của Sở đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Sở.

- Tổ chức thực hiện các quy định về quản lý tổ chức, biên chế phù hợp với yêu cầu quản lý và nâng cao chất lượng công vụ theo chỉ đạo của tỉnh.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động hành chính, cải tiến quy trình, quy chế làm việc, tổ chức, sắp xếp lại bộ máy đảm bảo tinh gọn, hiệu lực hiệu quả.

5. Cải cách chế độ công vụ

- Nâng cao chất lượng, tinh thần trách nhiệm, đạo đức, tác phong chuyên nghiệp, kỷ luật, kỷ cương, thân thiện và tận tình phục vụ Nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tiếp tục chấn chỉnh, tăng cường trách nhiệm trong xử lý công việc, kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ theo Công điện số 280/CD-TTg và 968/CD-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Kết luận số 29-KL/TU ngày 22/7/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Tĩnh và các văn bản quy định, hướng dẫn của tỉnh.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2024, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC theo hướng gắn đào tạo, bồi dưỡng với quy hoạch; khuyến khích CBCCVC học tập và tự học tập để không ngừng nâng cao năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

- Xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác năm 2024; duy trì và tổ chức thực hiện đúng các quy định về sử dụng và quản lý CB,CC,VC; các quy định về tiêu chuẩn chức danh, cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn đối với cán bộ lãnh đạo, công chức, viên chức.

- Phối hợp, thực hiện nghiêm các quy định về tuyển dụng, quản lý và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch trong tuyển dụng, bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức.

- Thực hiện đổi mới công tác đánh giá CB,CC,VC theo hướng ngày càng thực chất, chú trọng sản phẩm, kết quả công việc. Rà soát, đánh giá đúng chất lượng, trình độ của CBCC, VC làm cơ sở sắp xếp, điều chuyển, bố trí nhân sự phù hợp với vị trí việc làm.

6. Cải cách tài chính công

- Ban hành và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ cơ quan Văn phòng Sở và chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc xây dựng, ban hành Quy chế Chi tiêu nội bộ năm 2024 theo quy định.

- Đẩy mạnh triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế, kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ; cơ chế tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

- Tham mưu xây dựng, ban hành Nghị quyết HĐND tỉnh Danh mục sự nghiệp công lĩnh vực khoa học và Công nghệ; định mức kinh tế kỹ thuật, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ.

- Chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kết luận, kiến nghị sau kiểm tra về tài chính, ngân sách.

- Thực hiện kịp thời các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên liên quan đến chế độ, chính sách mới liên quan về thu nhập, tiền lương, phụ cấp và an sinh xã hội; chế độ, chính sách đối với CB,CC, VC trong cơ quan.

- Thực hiện công khai, minh bạch dự toán ngân sách nhà nước; các thủ tục cấp, quyết toán kinh phí theo đúng quy định tại Thông tư số 343/2016/TTBTC và Thông tư số 61/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; kết quả thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước theo quy định.

7. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

7.1. Ứng dụng công nghệ thông tin

- Thực hiện việc kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng, hệ thống hội nghị trực tuyến và cơ sở dữ liệu dùng chung theo kế hoạch của UBND tỉnh.

- Đẩy mạnh việc xây dựng và cung cấp cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước và nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; kết nối liên thông cơ sở dữ liệu của ngành với cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh được triển khai trên nền tảng điện toán đám mây; tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án 06 của Thủ tướng chính phủ.

- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số đảm bảo chất lượng, hiệu quả theo các mục tiêu Nghị quyết số 05- NQ/TU ngày 22/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030;

- Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số đồng bộ trong cơ quan, bao gồm số hóa hồ sơ, văn bản, tài liệu, quy trình nghiệp vụ và giao dịch giữa các cơ quan, tổ chức và giữa các cơ quan, tổ chức với người dân, doanh nghiệp. Thực hiện các chế độ báo cáo, giám sát tiến độ công việc, phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của tỉnh, của Sở được thực hiện trực tuyến và liên thông với hệ thống báo cáo quốc gia. Đẩy mạnh triển khai ứng dụng các nền tảng công nghệ số quốc gia được các Bộ, ngành, UBND tỉnh công bố; đẩy mạnh các ứng dụng, giải pháp hỗ trợ thanh toán không dùng tiền mặt.

- Đảm bảo an toàn thông tin mạng cho các cơ quan, đơn vị nhằm đảm bảo hệ thống thông tin hoạt động của Sở hoạt động an toàn, bảo mật, thông suốt phục vụ hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

- Thực hiện có hiệu quả quản lý hồ sơ điện tử và lưu trữ trên phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc. Duy trì và thực hiện có hiệu quả việc trao đổi các văn bản điện tử nội bộ, liên thông; sử dụng có hiệu quả hệ thống điều hành tác nghiệp.

- Phối hợp triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm phát huy hiệu quả hệ thống DVC trực tuyến toàn trình; kết hợp thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ Bưu chính công ích.

- Thường xuyên rà soát việc thực hiện công khai, minh bạch thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Sở, nhằm đảm bảo cung cấp thông tin, tích hợp đầy đủ các ứng dụng đáp ứng nhu cầu người dân, doanh nghiệp và các nhà đầu tư; triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp lĩnh vực Khoa học công nghệ, đẩy mạnh chuyển đổi số nâng cao năng lực cạnh tranh, từng bước tham gia vào phát triển kinh tế số.

7.2. Duy trì, cải tiến và áp dụng Hệ thống QLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015: Tiếp tục duy trì và cải tiến có hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 và áp dụng công cụ 5S tại cơ quan Văn phòng Sở và các đơn vị trực thuộc đảm bảo thực chất hiệu quả:

- Chỉ đạo các phòng, đơn vị trực thuộc xây dựng Kế hoạch duy trì và cải tiến HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015 năm 2024.

- Ban hành mục tiêu chất lượng năm 2024; thực hiện đánh giá nội bộ, họp xem xét của Lãnh đạo về HTQLCL theo định kỳ.

- Thực hiện sửa đổi, bổ sung, ban hành mới quy trình HTQLCL khi có yêu cầu điều chỉnh; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định.

- Triển khai áp dụng công cụ 5S tại cơ quan Văn phòng Sở và các đơn vị trực thuộc sở.

- Thực hiện các nhiệm vụ của Cơ quan thường trực về ISO của tỉnh.

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CCHC NĂM 2024

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN:

Kinh phí thực hiện kế hoạch CCHC năm 2024 sử dụng trong dự toán ngân sách sự nghiệp Khoa học và Công nghệ năm 2024 và nguồn kinh phí hợp pháp khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Các phòng, đơn vị: Văn phòng Sở, Thanh tra Sở, Thông tin- Thống kê KHCN và ĐMST, Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng và các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc nghiêm túc triển khai, thực hiện kế hoạch và chịu trách nhiệm trước Ban Giám đốc Sở về kết quả thực hiện.

2. Giao Văn phòng Sở chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị hướng dẫn kiểm tra, đôn đốc triển khai và tổ chức thực hiện.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Văn phòng Sở để tổng hợp, kịp thời báo cáo Lãnh đạo Sở xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở: Nội vụ, Tài chính, Tư pháp, TT&TT;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Bùi Quang Hoàn

Phụ lục

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2024
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-SKHCN ngày tháng 01 năm 2024 của Sở Khoa học và Công nghệ)

TT	Mục tiêu	Nhiệm vụ trọng tâm	Hoạt động	Kết quả/ sản phẩm	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
I	CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH							
1	1.1. Nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo điều hành, công tác tham mưu CCHC	2.1. Ban hành Kế hoạch CCHC năm 2024.	- Xây dựng Dự thảo Kế hoạch. - Gửi các phòng, đơn vị góp ý hoàn thiện. - Tổng hợp, hoàn thiện trình Giám đốc Sở ban hành	Kế hoạch được phê duyệt, ban hành	Văn phòng	Các phòng, đơn vị	Trước ngày 05/01/2024	
		2.2. Ban hành Văn bản chỉ đạo để thực hiện có hiệu quả công tác CCHC trong năm 2024.	- Rà soát các nội dung tồn tại, hạn chế trong thực hiện CCHC năm 2023. - Tham mưu ban hành Văn bản chỉ đạo	Văn bản chỉ đạo được phê duyệt	Văn phòng	Các phòng, đơn vị	Quý I/2024	
		2.3. Xây dựng, ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC năm 2024	- Xây dựng dự thảo, trình ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC. - Tổ chức thực hiện Kế hoạch tuyên truyền.	Kế hoạch được ban hành Các hình thức tuyên truyền đa dạng, phong phú	Phòng TT-TK KH,CN và ĐMST	Các phòng, đơn vị	Tháng 01/2024 Thường xuyên	

		2.4. Lồng ghép trong các cuộc họp giao ban hàng tháng hoặc các hội nghị để chỉ đạo, điều hành, bàn các giải pháp tháo gỡ, vướng mắc (nếu có) trong thực hiện các nội dung CCHC của sở	<ul style="list-style-type: none"> - Thường xuyên rà soát việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ CCHC. - Kiến nghị, đề xuất để triển khai thực hiện có hiệu quả. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các nội dung đề xuất, kiến nghị và chỉ đạo tại kết luận giao ban hàng tháng. - Văn bản chỉ đạo khác. 	Văn phòng	Các phòng, đơn vị	Thường xuyên	
2	1.2. Cải thiện, duy trì thứ hạng chỉ số CCHC của Sở và các chỉ số liên quan	2.5. Ban hành kế hoạch khắc phục tồn tại, hạn chế CCHC năm 2023	Xây dựng dự thảo kế hoạch	Kế hoạch được ban hành	Văn phòng	Các phòng, đơn vị	Quý I/2024	
		2.6. Triển khai các giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế, duy trì chỉ số về CCHC và cải thiện, nâng cao các chỉ số liên quan	Văn bản chỉ đạo khắc phục các tồn tại, hạn chế của các chỉ số CCHC	Công văn/kế hoạch	Văn phòng	Các phòng, đơn vị	Năm 2024	
3	1.3. Phân đầu có ít nhất 02 sáng kiến (hoặc giải pháp mới) về CCHC được công nhận và áp dụng tại Sở; phân đầu có ít nhất 01 sáng kiến liên quan đến CCHC được Hội đồng đánh giá hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến tỉnh công nhận	2.7. Nghiên cứu đề xuất sáng kiến mới (hoặc giải pháp mới) về CCHC, liên quan đến hoạt động CCHC	Viết sáng kiến, đánh giá hiệu quả và áp dụng vào thực tiễn	Các sáng kiến, giải pháp	Các phòng chuyên môn	Các phòng, đơn vị	Năm 2024	
	1.4. Kiểm tra công tác	2.8. Tổ chức kiểm tra, tự	- Ban hành Kế hoạch Kiểm tra, tự kiểm tra	Kế hoạch, Công				

4	CCHC tất cả các phòng, đơn vị trực thuộc Sở trong năm 2024, trong đó, có nhất 01- 02 cuộc kiểm tra đột xuất.	kiểm tra trên cơ sở Kế hoạch của UBND tỉnh và hướng dẫn của Sở Nội vụ.	CCHC năm 2024. - Thông báo lịch kiểm tra và tiến hành kiểm tra tại phòng, đơn vị. - Biên bản kiểm tra các phòng, đơn vị. - Báo cáo kết quả kiểm tra. - Ban hành Văn bản chỉ đạo khắc phục tồn tại, hạn chế sau kiểm tra.	văn, Báo cáo kết quả kiểm tra, Biên bản kiểm tra tại phòng, đơn vị; văn bản chỉ đạo	Văn phòng	Các phòng, đơn vị	Quý I-III/2024	
		2.9. Kiểm tra đột xuất việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ	Thông báo (hoặc không thông báo trước)	Biên bản kiểm tra. Báo cáo, văn bản chỉ đạo (nếu cần thiết)	Văn phòng, Thành viên Đoàn kiểm tra CCHC Sở	Các phòng, đơn vị	Năm 2024	
II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ							
1	1.1. Phần đầu từ 90% trở lên nội dung tại các văn bản QPPL của Trung ương giao HĐND tỉnh và UBND tỉnh quy định chi tiết liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của ngành được triển khai, thực hiện kịp thời, chất lượng	2.10. Tham mưu xây dựng văn bản QPPL lĩnh vực quản lý của Ngành	- Xây dựng dự thảo và tham mưu UBND tỉnh ban hành kịp thời văn bản QPPL lĩnh vực Ngành; - Gửi cơ quan có thẩm quyền thẩm định theo đúng trình tự, thủ tục và tiến độ thời gian quy định.	Văn bản QPPL được phê duyệt	Các phòng chủ trì tham mưu văn bản QPPL	Các đơn vị có liên quan	Thường xuyên	
2	1.2 Phần đầu từ 95% văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh liên quan đến ngành được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế theo	2.11. Ban hành kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2023	Xây dựng dự thảo kế hoạch	Kế hoạch được ban hành	Thanh tra Sở	Các phòng, đơn vị	Quý I/2024	
		2.12. Tham mưu xây	- Xây dựng dự thảo và	Văn bản QPPL	Các phòng	Các đơn	Thường	

	kết quả rà soát	dựng văn bản QPPL lĩnh vực quản lý của Ngành	tham mưu UBND tỉnh ban hành kịp thời văn bản QPPL lĩnh vực Ngành; - Gửi cơ quan có thẩm quyền thẩm định theo đúng trình tự, thủ tục và tiến độ thời gian quy định.	được phê duyệt, ban hành	chủ trì tham mưu văn bản QPPL	vị có liên quan	xuyên	
3	1.3. Phần đầu từ 90% văn bản QPPL trở lên của Trung ương, của tỉnh được tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả	2.13. Ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật lĩnh vực KHCN	Xây dựng dự thảo kế hoạch	Kế hoạch được ban hành	Thanh tra Sở	Các phòng, đơn vị	Quý I/2024	
		2.14. Phổ biến giáo dục pháp luật theo định kỳ và tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả	Các tài liệu liên quan đến cuộc tập huấn, phổ biến các quy định mới của pháp luật hoặc các văn bản chỉ đạo và tổ chức thực hiện	Các cuộc phổ biến GDPL hàng tháng; văn bản chỉ đạo thực hiện	Các phòng, bộ phận liên quan	Hội đồng Phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật	Thường xuyên	
III	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH							
1	1.1. Ban hành Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2024 của Sở	2.15. Xây dựng dự thảo ban hành Kế hoạch	Gửi các phòng, đơn vị góp ý hoàn thiện.	Kế hoạch kèm theo	Phòng TT-TK KHCN và ĐMST	Các phòng, đơn vị	Quý I/2024	
2	1.2. 100% TTHC nội bộ giữa Sở và các cơ quan hành chính nhà nước được rà soát, công bố, công khai về Danh mục và Quy trình nội bộ; rà soát, đơn giản hóa TTHC	2.16. Thống kê, rà soát TTHC nội bộ giữa Sở và hệ thống cơ quan hành chính Nhà nước theo kế hoạch của UBND tỉnh	Tiến hành triển khai rà soát và cắt giảm quy định liên quan đến TTHC; trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	Văn bản đơn giản hóa TTHC	Văn phòng, Bộ phận một cửa	Các phòng chuyên môn	Thường xuyên	

	nội bộ để cắt giảm 20% quy định và 20% chi phí tuân thủ TTHC nội bộ							
3	1.3. 100% TTHC Tham mưu công bố TTHC mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ sau khi Bộ Khoa học và Công nghệ công bố TTHC liên quan	2.17. Xây dựng dự thảo Quyết định công bố	Tham mưu trình UBND tỉnh ban hành; cập nhật, đăng tải TTHC lên cơ sở dữ liệu quốc gia, đồng bộ về Cổng DVC của tỉnh.	Dự thảo Quyết định công bố TTHC; cơ sở dữ liệu quốc gia và của tỉnh được cập nhật	Văn phòng	Các phòng chuyên môn	Thường xuyên	
4	1.4. Triển khai thực hiện số hóa kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở, đạt tỷ lệ từ 95% trở lên số hồ sơ tiếp nhận	2.18. Nâng cao tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết TTHC đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của sở	- Tổ chức triển khai số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa. - Theo dõi, cập nhật tình hình và tổ chức thực hiện kế hoạch số hóa kết quả giải quyết TTHC	Tỷ lệ số hóa theo quy định	Văn phòng, Bộ phận một cửa	Các phòng, đơn vị	Thường xuyên	
5	1.5. 100% TTHC đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công (DVC) trực tuyến (toàn trình, một phần) và được cập nhật lên cơ sở dữ liệu TTHC và công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia.	2.19. Đẩy mạnh cung cấp DVC trực tuyến toàn trình, một phần trên Cổng DVC Quốc gia để đồng bộ về Cổng dịch vụ công của tỉnh	Thực hiện rà soát, đánh giá TTHC để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở	- Báo cáo rà soát - Quyết định - Tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng DVC Quốc gia	Văn phòng, Bộ phận một cửa	Các phòng, đơn vị	Thường xuyên	

	Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến đạt 95%; tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt từ 95% trở lên	2.20. Nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình, một phần	Đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức khác nhau; tập huấn về kiến thức, kỹ năng ứng dụng CNTT, chuyển đổi số cho cán bộ công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp	- Số hồ sơ giải quyết trực tuyến toàn trình, một phần - Giao diện phần mềm DVC đạt yêu cầu	Văn phòng, Bộ phận một cửa	Các phòng, đơn vị	Thường xuyên	
6	1.6. 100% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến. Tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 80% trở lên	2.21. Đẩy mạnh giao dịch thanh toán trực tuyến đối với các TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính	- Triển khai các giải pháp đẩy mạnh thanh toán trực tuyến trong phần mềm dịch vụ công - Rà soát, thống kê số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, từ đó đề xuất số TTHC triển khai thanh toán trực tuyến và giao dịch trực tuyến	- Thực hiện các giải pháp đáp ứng giao dịch và thanh toán trực tuyến - Biểu mẫu rà soát thống kê - Số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai giao dịch thanh toán trực tuyến	Văn phòng, Bộ phận một cửa	Các phòng, đơn vị	Thường xuyên	
5	1.7. Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt trên 95%.	2.22. Duy trì, củng cố mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính	- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Bộ phận Một cửa. - Triển khai, áp dụng các sáng kiến CCHC, mô hình CCHC có hiệu quả trong giải quyết TTHC của ngành.	Văn bản; tham gia các lớp tập huấn	Văn phòng, Bộ phận một cửa	Các phòng chuyên môn	Thường xuyên	

6	1.8. Tối thiểu 70% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công TTHC trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết TTHC đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ	2.23. Tiếp tục đẩy mạnh số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC. - Đẩy mạnh chứng thực điện tử. - Kết nối chia sẻ các dữ liệu dùng chung đảm bảo an toàn thông tin, hiệu quả.	- Triển khai chứng thực điện tử. - Kiểm tra danh tính số và thực hiện mở tài khoản danh tính số của người dân, doanh nghiệp trên Cổng DVC Quốc gia. - Thực hiện số hoá thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC.	- Các dữ liệu dùng chung được kết nối, chia sẻ. - Người dân được mở Tài khoản Danh tính số trên DVC QG. - Thành phần HS được số hoá; Kết quả giải quyết TTHC được số hoá.	Văn phòng, Bộ phận một cửa	Các phòng chuyên môn	Thường xuyên		
7	1.9. Tăng cường công tác kiểm tra đột xuất, định kỳ về việc giải quyết TTHC của các phòng chuyên môn	2.23. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện hồ sơ giải quyết TTHC, DVC trực tuyến và thực hiện ý kiến chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Lãnh đạo Sở	Xây dựng kế hoạch, thông báo lịch kiểm tra	Kế hoạch, thông báo, biên bản kiểm tra	Văn phòng	Các phòng chuyên môn	Thường xuyên		
8	1.9. Tham gia đối thoại của Lãnh đạo Sở với người dân, doanh nghiệp	2.24. Phối hợp thực hiện các hội nghị đối thoại, diễn đàn, cuộc họp	Phối hợp xây dựng kế hoạch, phân công thực hiện	Kế hoạch, giấy mời, thông báo	Thanh tra, Văn phòng	Các phòng, đơn vị	Thường xuyên		
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY								

1	1.1. Xây dựng và triển khai phương án sắp xếp, kiện toàn đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở theo Đề án sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức các đơn vị sự nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	2.25. Chỉ đạo các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc phối hợp Văn phòng rà soát tham mưu phương án sắp xếp, kiện toàn bộ máy và tổ chức thực hiện.	Xây dựng dự thảo Phương án sắp xếp kiện toàn và tổ chức thực hiện.	Văn bản gửi Sở Nội vụ, kèm theo Phương án sắp xếp kiện toàn, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt	Các Trung tâm trực thuộc	Văn phòng	Năm 2024	
2	1.2. Rà soát, Xây dựng đề án vị trí việc làm Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị trực thuộc	2.25. Văn phòng, Chi cục, các đơn vị rà soát tham mưu Đề án	- Xây dựng hoàn thiện Dự thảo Kế hoạch. - Gửi các phòng, đơn vị góp ý hoàn thiện. - Tổng hợp, hoàn thiện trình Giám đốc Sở ban hành	Văn bản gửi Sở Nội vụ thẩm định, kèm theo Đề án	Văn phòng	Các phòng, đơn vị	Quý I, II/2024	
3	1.3. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các trung tâm đảm bảo đúng quy định	2.27. Rà soát quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các trung tâm	Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị	Quyết định	Văn phòng	Các phòng, đơn vị	Thường xuyên	
V	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ							
1	1.1. Phân đầu 50% cán bộ, công chức dưới 40 tuổi giao tiếp được với người nước ngoài bằng Tiếng Anh hoặc ngoại ngữ thông dụng khác	2.28. Tuyên truyền, khuyến khích, hỗ trợ theo chính sách đào tạo, bồi dưỡng của tỉnh; tập trung vào bồi dưỡng ngoại ngữ, kiến thức hội nhập quốc tế	Kế hoạch Đào tạo bồi dưỡng	- Kế hoạch; - Các văn bản cử tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng; kết quả đạt tỷ lệ quy định	Văn phòng	Các phòng chuyên môn	Thường xuyên	

2	1.2. Tiếp tục hoàn chỉnh Đề án vị trí việc làm trong các cơ quan, đơn vị theo quy định	2.29. Rà soát, hoàn chỉnh đề án vị trí việc làm một số cơ quan, đơn vị đảm bảo quy định	- Tiếp tục xây dựng hoàn thiện Dự thảo Đề án. - Gửi các phòng, đơn vị góp ý hoàn thiện. - Tổng hợp, hoàn thiện trình Giám đốc Sở ban hành	Văn bản gửi Sở Nội vụ thẩm định, kèm theo Đề án	Văn phòng	Các phòng, đơn vị	Năm 2024	
3	1.3. Thực hiện luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức theo quy định	2.30. Rà soát, xây dựng Kế hoạch và triển khai thực hiện	Rà soát, xây dựng Kế hoạch và triển khai thực hiện	Kế hoạch; Báo cáo kết quả.	Văn phòng	Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc	Thường xuyên	
VI CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG								
1	1.1. 100% nội dung chi được thực hiện theo đúng chế độ quy định	2.31. Ban hành Quy chế Chi tiêu nội bộ cơ quan Văn phòng Sở và hướng dẫn đơn vị thuộc Sở ban hành Quy chế Chi tiêu nội bộ năm 2024 theo quy định.	- Dự thảo Quy chế. - Góp ý Quy chế thông qua Hội nghị CBCC.	Quy chế được ban hành	Văn phòng Sở	Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở	Tháng 01/2024	
2	1.2. Xây dựng, ban hành định mức kinh tế kỹ thuật, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP	2.32. Tham mưu xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước	Tham mưu xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước	Dự thảo định mức kinh tế kỹ thuật, giá dịch vụ sự nghiệp công, trình cấp có thẩm quyền ban hành	Văn phòng Sở	Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở	Năm 2024	

3	1.3. 100% kinh phí thực hiện được công khai minh bạch, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả	2.33. Công khai, minh mạch trong quản lý và sử dụng tài chính công. Thực hiện tiết kiệm, sử dụng kinh phí có hiệu quả; thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính.	Kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện.	- Thực hiện công khai. - Báo cáo kết quả thực hiện.	Văn phòng Sở	Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở	Thường xuyên	
VII	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ VÀ ÁP DỤNG ISO							
7.1	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số							
1	1.1. Thực hiện việc kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng, hệ thống hội nghị trực tuyến và cơ sở dữ liệu dùng chung theo kế hoạch của UBND tỉnh	2.34. Thực hiện việc kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng, hệ thống hội nghị trực tuyến và cơ sở dữ liệu dùng chung theo kế hoạch của UBND tỉnh	Thực hiện việc kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng, hệ thống hội nghị trực tuyến và cơ sở dữ liệu dùng chung theo kế hoạch của UBND tỉnh	Văn bản; hệ thống được kết nối	Phòng TT-TK KH, CN và ĐMST	Các phòng, đơn vị thuộc Sở, Sở TTTT	Năm 2024	
2	1.2. Tỷ lệ cơ sở dữ liệu của các sở, ngành được kết nối liên thông để phục vụ quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công đạt 70%.	2.35. Tham mưu xây dựng, triển khai có hiệu quả hệ thống tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP)	Triển khai tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP), thực hiện kết nối các CSDL của tỉnh	Vận hành hệ thống; tích hợp, kết nối các CSDL	Phòng TT-TK KH, CN và ĐMST	Sở TTTT	Năm 2024	
3	1.3. Từng bước triển khai 30% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý (trừ hoạt động kiểm tra hoặc thông	2.36. Thí điểm triển khai hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin	3.8. Thí điểm triển khai hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	Thí điểm kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước thực hiện thông qua môi trường số	Chi cục TĐC	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2024	

	tin tư liệu của hoạt động kiểm tra thuộc phạm vi bí mật nhà nước)	của cơ quan quản lý						
	1.4. Nâng cao hiệu quả hoạt động Công Thông tin điện tử Sở	2.37. Hoàn thiện việc nâng cấp Công Thông tin điện tử Sở	Đưa vào sử dụng Công thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định	Công thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định	Phòng TT-TK KH, CN và ĐMST	Các phòng, đơn vị liên quan	Năm 2024	
7.2	Áp dụng ISO 9001:2015 trong hoạt động của đơn vị							
1	1.1. 100% các cơ quan, đơn vị trực thuộc duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng tại cơ quan Văn phòng Sở và các đơn vị trực thuộc	2.38. Duy trì và cải tiến hệ thống tại cơ quan Văn phòng Sở và Trung tâm đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn	Xây dựng kế hoạch duy trì, cải tiến và tổ chức thực hiện theo các quy trình, hướng dẫn, quy định	Kế hoạch Duy trì, cải tiến; tổ chức thực hiện; báo cáo kết quả	Văn phòng Sở, BCĐ ISO	Các phòng, đơn vị	Theo Kế hoạch ISO năm 2024	
2	1.2. 100% Quyết định công bố Danh mục, quy trình nội bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tham mưu ban hành đáp ứng yêu cầu	2.39. Rà soát, tham mưu Danh mục và quy trình nội bộ theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan, các quy trình được xây dựng theo hướng tối ưu hóa về thành phần hồ sơ, điều kiện, trình tự thực hiện đảm bảo đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện	Xây dựng dự thảo Quyết định công bố, Danh mục và Quy trình nội bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở, trình UBND tỉnh công bố	Văn bản đề nghị; Dự thảo Quyết định công bố danh mục và quy trình nội bộ TTHC trình UBND tỉnh	Văn phòng Sở, BCĐ ISO	Các phòng, đơn vị	Năm 2024	
3	1.3. Kiểm tra 100% các phòng, đơn vị trực thuộc áp dụng HTQLCL trong năm	2.40. Thực hiện việc kiểm tra, đánh giá việc xây dựng và áp dụng HTQLCL theo TCVN	Thực hiện việc kiểm tra, đánh giá	Văn bản, báo cáo kết quả kiểm tra.	Văn phòng Sở, BCĐ ISO	Các phòng	Thường xuyên	

		ISO 9001:2015 tại các phòng, đơn vị trực thuộc						
4	1.4. Xây dựng quy trình nội bộ dùng chung cho các cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, huyện đáp ứng yêu cầu TCVN ISO 9001:2015, điện tử hóa 100% các quy trình đã xây dựng	2.41. Tổ chức xây dựng quy trình nội bộ dùng chung cho các cơ quan. Điện tử hóa các quy trình để thực hiện	Tổ chức triển khai xây dựng các quy trình nội bộ	Các quy trình nội bộ dùng chung cho các cơ quan	Chi cục TĐC	Sở Nội vụ; các cơ quan, đơn vị.	Quý I-IV năm 2024	
5	1.5. Xây dựng và áp dụng có hiệu quả công cụ 5S tại cơ quan Văn phòng Sở và các đơn vị trực thuộc	2.42. Tổ chức triển khai và áp dụng theo các hướng dẫn và quy định của công cụ 5S.	Xây dựng và thực hành có hiệu quả theo các quy định của công cụ 5S thực chất hiệu quả.	Được chứng nhận áp dụng công cụ 5S	Văn phòng Sở, BCD ISO	Các phòng, đơn vị liên quan	Năm 2024	
6	1.6. Thực hiện các nhiệm vụ khác được giao của Cơ quan thường trực ISO, cơ quan thường trực Hội đồng đánh giá hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học tỉnh							